

QUỐC TRIỀU HÌNH LUẬT VỚI VẤN ĐỀ DI SẢN VĂN HÓA

LÊ QUANG CHẤN*

1- Năm 1428, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn giành thắng lợi hoàn toàn, đất nước thanh bình. Trải qua các triều vua: Thái Tổ (1428 - 1433), Thái Tông (1434 - 1442), Nhân Tông (1443 - 1459), Thánh Tông (1460 - 1497), Hiến Tông (1498 - 1503) - thường được gọi là nhà Lê sơ, đất nước Đại Việt dần dần được phục hồi và phát triển lên một tầm cao mới về tất cả các lĩnh vực, chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục... Có thể nói, nhà Lê sơ, nhất là dưới triều đại vua Lê Thánh Tông, "chế độ phong kiến nhà nước quan liêu đã đạt tới sự ổn định, kỷ cương và thịnh trị, thường vẫn được coi vào bậc nhất trong chế độ phong kiến Việt Nam. Thế kỷ XV như là thế kỷ cổ điển của chế độ nhà nước quân chủ phong kiến quan liêu"¹. Tuy nhiên, hình thức quân chủ chuyên chế Nho giáo, dường như, chưa thật phù hợp với tình hình đất nước đương thời, bởi, chỉ sau khi Lê Thánh Tông mất chưa đầy một thập niên, triều đình nhà Lê đã rơi vào tình trạng khủng hoảng, suy thoái, rồi sụp đổ, và nhà Mạc lên thay thế vào

năm 1527. Hoàn cảnh lịch sử đó, chính là cơ sở cho bộ Quốc triều hình luật ra đời, và trong 722 điều của bộ luật này, có đến 407 điều riêng biệt, chỉ có trong bộ luật nhà Lê, "các điều khoản riêng biệt này xuất phát từ tình hình chính trị, kinh tế, xã hội đương thời và đáp ứng những đòi hỏi cấp thiết của tình hình đó"².

2- Quốc triều hình luật/Lê triều hình luật/Luật Hồng Đức bao gồm 6 quyển, 13 chương và 722 điều, cụ thể là: Quyển I có 2 chương: Chương Danh lệ (49 điều), chương Cấm vệ (47 điều); quyển II có 2 chương: Vi chế (144 điều) và Quân chính (43 điều); quyển III có 3 chương: Hộ hôn (58 điều), Điền sản (52 điều và 14 điều thêm); quyển IV gồm 2 chương: Đạo tặc (54 điều) và Đấu tụng (50 điều); quyển V có 2 chương: Trá ngục (38 điều) và Tạp luật (92 điều); quyển VI gồm 2 chương: Bộ vong (12 điều) và Đoán ngục (65 điều). Quốc triều hình luật là một trong hai (cùng với luật Gia Long/Hoàng Việt luật lệ) bộ luật lớn nhất và quan trọng nhất của chế độ phong kiến Việt Nam, không những "được coi là bộ luật quan trọng nhất và chính thống nhất của triều Lê",

* VIỆN SỬ HỌC VIỆT NAM

mà còn "có thể coi đây là một trong những bộ luật hoàn chỉnh nhất trong lịch sử pháp luật của Nhà nước phong kiến Việt Nam"³, "trở thành một khuôn mẫu cho cổ luật Việt Nam trong nhiều năm và làm rạng danh cho nền văn hiến Việt Nam"⁴. Đặt trong chiều dài của lịch sử pháp luật Việt Nam, Quốc triều hình luật là một thành tựu có giá trị đặc biệt, "không chỉ là đỉnh cao so với thành tựu pháp luật của các triều đại trước đó, mà còn đối với cả bộ luật được biên soạn vào đầu thế kỷ XIX: Hoàng Việt luật lệ do Gia Long ban hành năm 1812"⁵. Do đó, việc tìm hiểu cổ luật Việt Nam nói chung, Quốc triều hình luật nói riêng là thể hiện sự trân trọng của các thế hệ người Việt Nam đối với di sản văn hóa quý báu của ông cha để lại, đồng thời kế thừa truyền thống tốt đẹp của người xưa vào sự nghiệp xây dựng đất nước hôm nay, trong đó, có việc xây dựng nền pháp luật tốt đẹp của Nhà nước ta.

3- Với 722 điều, Quốc triều hình luật đã bao quát về mặt pháp quy các lĩnh vực thuộc quản lý nhà nước, từ chính trị đến kinh tế, từ xã hội đến văn hóa... đương thời, đặc biệt là, đã đề cập và có quy định rất cụ thể đến những thành tố của văn hóa nói chung, trong đó, nổi bật nhất là văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể.

3.1- Về di sản văn hóa vật thể: *Luật di sản văn hóa* (được Quốc hội thông qua năm 2001, có hiệu lực từ ngày 1/1/2002), chỉ rõ: Di sản văn hóa vật thể là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, bao gồm di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia. Qua đây, chúng ta dễ dàng nhận thấy, nhiều yếu tố của di sản văn hóa vật thể đã được nhắc tới trong bộ Quốc triều hình luật.

Việc bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa rất được nhà Lê sơ quan tâm. Những hành động phá hoại hoặc làm ảnh hưởng đến di tích lịch sử - văn hóa của làng xã cũng như của quốc gia đều được coi là tội đồ, và tất nhiên, kèm theo đó là những hình phạt thích ứng. Điều 631 có quy định rất rõ ràng: "Các quân dân, ai phá hư các chùa, quán, cầu cống, đập phá bia, trụ đá, chặt cây cối, tiêu hủy mất cổ tích, thì bị đánh 60 trượng, biếm hai tư và phải làm lại những cái mình phá ấy, đền lại đúng phép. Quan ty sở tại được phép bắt kẻ ấy trình quan trên để trị tội". Người trông coi có trách nhiệm rất lớn đối với sự

tồn tại lâu bền của di tích, bởi họ không chỉ quan tâm, chăm sóc mà còn có trách nhiệm đề nghị sửa chữa, nâng cấp khi di tích bị xuống cấp: "Những quan lệnh và quan chánh trong lăng miếu, nếu thấy điện đài có chỗ đổ nát mà không tâu xin sửa chữa lại thì bị tội biếm, nếu để tượng các thánh thờ trong điện hư hỏng thì bị tội đồ; như cầu cống đổ nát làm thiệt hại đến nghi vệ nhà vua thì quan lệnh bị biếm hai tư, quan chánh bị biếm một tư. Nếu xe ngựa vua đi qua bị hại thì định tội khác" (Điều 178).

Những kẻ phá hoại, làm hư hỏng tông miếu, sơn lộng và cung khuyết của vua được quy vào tội đại nghịch (tức phạm vào điều thứ 2 trong Thập ác): "Đào trộm lăng đế vương đời trước (lăng hoàng hậu, hoàng phi cũng vậy) thì xử chém. Đào trộm của danh thần, hiệu tử, nghĩa phu, tiết phụ thì xử nhẹ hơn tội trên hai bậc" (Điều 597). Với những di tích tiêu biểu của quốc gia, nếu phạm phải cũng bị xử nặng: "Phá hủy những gò, đàn đại tế (như đàn Nam Giao) thì xử đi làm khao đình. Phá tường và cửa đàn thì nhẹ hơn một bậc" (Điều 598). Tùy theo hình thức và mức độ phạm tội mà có những hình phạt thích ứng: "Phá hủy miếu thờ các đế vương đời trước thì xử đi làm chủng điền binh. Phá hủy bia chí, thứ bằng đá thì xử nhẹ hơn một bậc tội, phá hủy đền thờ hay bia các danh thần, hiệu tử, nghĩa phu, tiết phụ thì bị đánh 70 trượng, biếm ba tư. Phá nhà thờ hay bia của người thường thì bị đánh 60 trượng, biếm hai tư. Phá nhà thờ hay bia quan tam phẩm trở lên thì tăng tội thêm mỗi phẩm một bậc phải nộp tiền tạ tội tùy nặng nhẹ" (Điều 599).

Việc lấy trộm đồ thờ trong lăng miếu, lấy trộm đồ vua dùng, làm giả mạo ấn vua... cũng là tội đại bất kính - tội thứ 6 trong 10 điều ác, đều bị xử tội rất nặng: "Ăn trộm đồ thờ trong lăng miếu, tượng thánh, áo mũ thờ thì bị xử chém, tịch thu điền sản, sung công. Người coi ngó không kỹ để mất trộm thì bị xử biếm hay đồ, lưu và khác với tội đồ, lưu do không để ý trông nom khiến hư nát thì phải đền gấp ba lần những đồ đạc bị hư đó. Nếu vì hỏa hoạn hay ngập lụt không đủ sức giữ thì không bị tội" (Điều 431). Ăn trộm những đồ thờ cúng, đồ tế tự, hiện vật, tượng... khác trong các di tích lịch sử văn hóa cũng bị phạt như tội thường: "Ăn trộm và phá đồ cúng thờ, Phật trong chùa, quán, miếu thần thì xử theo tội ăn trộm thường" (Điều 432),

hay “Ăn trộm và phá hư tượng thiên tôn (trời, Lão giáo) tượng Phật thì xử theo tội ăn trộm thường, đến gấp ba lần số tiền tổn hại, nộp vào kho chứa quán độ, Nếu đạo sỹ, nữ quan, tăng ni mà ăn trộm, phá tượng thì xử thêm một bậc. Nếu ăn trộm vật dụng trong chùa thì biếm ba tư” (Điều 433).

Việc xây dựng đền, chùa, sinh tử... cũng được quy định rất rõ ràng: “Các quan đương nhiệm dù có công trạng về chính sự, nhưng tự ý lập bia, sinh tử thì vẫn phạt 80 roi, biếm một tư, và phải phá bỏ sinh tử, bia đền kia đi, không có thành tích chính sự mà lập thì thêm hai bậc tội” (Điều 135). Nhân dân khi xây dựng các công trình tín ngưỡng tôn giáo chung của làng cũng phải có phép, không được tự ý: “Ai tự ý cất chùa, quán, đúc chuông, tượng riêng thì biếm hai tư. Giả thác nói việc Phật đi quyền tiền của dân xài riêng thì xử đi làm khao đình, những tiền ấy phải trả cho chùa. Nếu quyền tiền mà có giấy quan cấp thì không bị tội” (Điều 289). Việc đúc chuông, tạc tượng cũng không thể tự do, tùy tiện mà phải có sự đồng ý của chính quyền nhà nước, hoặc của các cơ quan chuyên môn liên quan: “Đền thờ linh thánh đời trước vốn có tượng tích mà tự ý đập bỏ đi thì xử biếm hay đồ. Vốn không có tượng, không tâu xin phép vua mà tự ý tạc hay đúc tượng để thờ thì xử tội như trên. Nếu làm tượng đó với ý lừa gạt dân thì xử tội lưu” (Điều 600). Việc quản lý các di tích cũng có những quy định cụ thể: “Các chùa quan trọng trong cấm nội nếu tổ chức đàn chay hay cư trú thì bị biếm một tư. Quan giám đương biết mà dung túng không tâu lên vua thì cũng đồng phạm. Không biết thì bị phạt” (Điều 90), hay “Có tăng ni, đạo sỹ hay người làng khác đến ngụ ở chùa, quán, nhà dân quá 5 ngày, không trình quan xã thì xử biếm một tư. Kẻ trú quá ba tháng không chịu đi, mà quan xã che giấu, không trình quan huyện xét thì xử tội biếm hay đồ” (Điều 301).

Vấn đề bảo vệ không gian văn hóa, cảnh quan chung của danh lam thắng cảnh, của di tích lịch sử văn hóa cũng có những điều khoản quy định rõ ràng, đặc biệt là đối với các cung điện, lăng tẩm... “Ai chặt tre gỗ, đào đất ở các vườn lăng miếu thì bị lưu đầy châu ngoài. Cai quan lệnh chánh không biết thì bị phạt 60 trượng, biếm hai tư. Quan chánh bị biếm một tư, chủ thủ thì đi làm tượng phượng binh” (Điều

85); “Ai vào vườn lăng miếu hái củi, cắt cỏ thì bị đồ làm chủng điển binh. Quan lệnh, chánh, chủ thủ được xử nhẹ hơn tội trước một bậc” (Điều 86), và, “Ai gây hỏa hoạn trong sơn lăng, mồ mả vua thì bị lưu đầy châu gần. Làm cháy lan đến cây cối thì xử thêm một bậc, bồi thường tổn hại ấy” (Điều 87). Bảo vệ sơn lăng, thái miếu hay các di tích khác cũng có những chế tài cụ thể: “Những kẻ không có phép mà lên vào quanh thái miếu, vào cửa sơn lăng mộ vua thì bị tội đồ làm khao đình. Leo tường vào thì bị tội đồ làm tượng phượng binh...” (Điều 50); “Những ai bắn vào miếu xã, vườn cấm hoặc phóng đạn ném gạch đá làm người bị thương thì xử theo tội đánh người bị thương, giết người” (Điều 71), và, “Nếu chặt đốn tre gỗ trong vườn mộ kẻ khác thì bị biếm một tư, phải nộp tiền tạ lỗi 10 quan...” (Điều 358). Ngoài ra, bộ Quốc triều hình luật cũng nói đến cổ vật (Điều 175, 621, 644), bảo vật (Điều 203, 430) quý hiếm của triều đình, của vua chúa, quan lại..., nhưng đó chủ yếu là những sở hữu tư nhân.

3.2- Về di sản văn hóa phi vật thể: *Luật di sản văn hóa ghi*: Di sản văn hóa phi vật thể là sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, được lưu trữ bằng trí nhớ, chữ viết, được lưu truyền bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức lưu giữ, lưu truyền khác, bao gồm tiếng nói, chữ viết, tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, ngữ văn truyền miệng, điển xướng dân gian, lối sống, nếp sống, lễ hội, bí quyết về nghề thủ công truyền thống, tri thức về y, dược học cổ truyền, về văn hóa ẩm thực, về trang phục truyền thống dân tộc và những tri thức dân gian khác. Và như thế, bộ Quốc triều hình luật cũng phần nào thể hiện được những tư tưởng đó.

Trong thời kỳ phong kiến, nghi thức lễ tiết được chú trọng đặc biệt, nhất là đối với những nghi thức lớn và quan trọng. Theo Quốc triều hình luật, những nghi thức quốc tế phải được tuân thủ một cách chặt chẽ: “Ngày quốc kỵ và đại tế mà đồ tế lễ thiếu hoặc không tinh khiết thì chủ tế bị tội biếm hay bãi chức. Quan trông coi lăng miếu sơ ý không xem xét kỹ hay mâm cỗ không đúng phép thì xử tội cũng như vậy. Quan Câu đương thì xử nhẹ hơn một bậc. Nếu đã có giấy vua báo trước thì được miễn tội” (Điều 105). Người tham dự những cuộc tế lễ lớn đều phải trai giới (kiêng kỵ, giữ gìn sự trong

sạch): "Trước khi có tế lễ lớn, các quan phải trai giới, (trước ngày lễ) mà còn viếng tang, thăm bệnh hay phê viết tên mình vào các bản án tử tội, hoặc cho phép thi hành án đó, thì bị phạt 10 quan tiền. Người cung cấp đồ chay mà phạm lỗi nói trên thì phạt 20 quan tiền. Nếu trung hay tiểu tế thì được giảm" (Điều 106). Người có trách nhiệm tham dự những cuộc tế lễ lớn mà không tham dự cũng bị xử tội: "Khi có những lễ lớn chúc mừng triều đình, hay ngày quốc kỵ phải tới dự mà không tới thì bị biếm hay bãi. Những ngày hội minh (hội thể) mà không tới thì bị tội đồ hay lưu" (Điều 107). Cơ sở xã hội của nhà nước phong kiến thời Lê sơ là chế độ gia tộc phụ quyền, do đó, những tội bất hiếu, bất mục, bất nghĩa, vi phạm tôn ti, trật tự phong kiến đều bị ghép vào tội Thập ác: "ác nghịch là mưu mô đánh, giết ông bà cha mẹ, chú, bác, thím, cô, anh, chị, ông, bà ngoại, ông, bà, cha, mẹ chồng" và "Bất hiếu là tố cáo, mắng nhiếc ông bà, cha mẹ, làm ngược lời cha mẹ dạy bảo, nuôi dưỡng cha mẹ thiếu thốn. Đang khi để tang cha mẹ mà lấy vợ, lấy chồng, gây cuộc vui chơi, ăn mặc quần áo như thường. Nghe thấy tang ông bà, cha mẹ mà giấu, không khóc thương, cư tang, nói dối ông bà cha mẹ còn sống" (Điều 2). Ngoài ra, những ứng xử của con cái với cha mẹ, của vợ đối với chồng, anh, em, cô, gi, chú, bác; của các thành viên trong gia đình và dòng họ... cũng được thể hiện trong chương Hộ hôn.

Về mặt tư tưởng, từ thời Lê sơ Nho giáo được tôn sùng và đề cao, ngược lại, Phật giáo và Đạo giáo đã phần nào bị suy giảm. Bởi vậy, bộ Luật đã dành nhiều quy định để bảo vệ quyền thống trị của nhà nước phong kiến (chương Cấm vệ, nhằm bảo đảm an toàn cho hoàng cung và bản thân nhà vua); củng cố và bảo vệ tôn ti trật tự phong kiến theo tinh thần Nho giáo. Những giáo lý cơ bản của Nho giáo, như Tam cương, Ngũ thường... đều được yêu cầu thực thi một cách chặt chẽ, trong khi đó, những điều liên quan đến Phật giáo và Đạo giáo đã bị hạn chế: "Những ai đem sách tạp Phật, Lão khắc in đem bán lấy tiền của dân, làm mê hoặc người đời thì xử tội đồ. Quan sở tại thấy mà không bắt tâu lên thì bị biếm. Nếu đã tâu và được phép khắc in thì không tội" (Điều 215). Việc phong chức và công nhận đối với sư tăng và đạo sĩ cũng có quy định nghiêm ngặt,

không thoáng rộng như trước đây: "Những sư tăng và đạo sĩ từ 50 tuổi trở lên phải có quan cấp độ điệp mới được làm tăng đạo. Nếu không có thì xử đồ làm khao đình. Có độ điệp riêng thì cũng đồng tội như thế. Có độ điệp mà phạm pháp luật thì phải ra khỏi chùa, quán. Sau 10 ngày xét xử mà không chịu hoàn tục thì cũng chịu tội như trên. Quan xã dung túng thì bị biếm một tư. Quan huyện không hay biết thì bị xử trượng hay phạt. Quan Giám lâm và trụ trì ở các chùa, quán đều bị biếm một tư. Nếu sư và đạo sĩ phạm tội ăn uống rượu thịt thì buộc phải hoàn tục, sung quân, phạm dâm thì xử tội đồ" (Điều 288). Những kẻ lợi dụng niềm tin của các Phật tử hay của tín đồ Đạo giáo mà bày đặt những điều ma quái, gây hoang mang trong nhân dân cũng bị xử tội nặng: "Kẻ nào bày ra những điềm lành, điềm tốt thì xử biếm một tư. Nếu không có ứng hiện điềm xấu, tốt mà quan thiên văn đài không tâu lên sự thật thì xử thêm một bậc tội" (Điều 538), hay: "Những kẻ đặt bày thuật số, coi mạng số có dính đến việc phản loạn thì xử lưu châu xa. Ai nghe thì nhẹ tội hơn một bậc. Quan phường xã biết mà không bắt giải lên quan thì xử biếm ba tư. Thưởng cho người tố cáo tước ba tư" (Điều 414). Nhà nước phong kiến cũng cấm việc lợi dụng thơ ca, hò vè để tuyên truyền những điều phi lý, không có thực: "Kẻ viết sách đặt lời nói yêu quái thì xử giảo (là tạo ra sách, hay câu nói về điều lành dữ, hoặc chuyện quỷ thần, nói cát hung phi lý). Những ai dùng sách trên để truyền bậy những câu yêu quái làm dân chúng bị mê hoặc thì cũng xử giảo. Những kẻ làm ca dao, vè, từ khúc nói việc nước, trong đó với lời lẽ chỉ trích, chế nhạo, cố ý không thuận triều đình, hay phao tin đồn nhảm làm kinh động dân chúng thì đều bị xử lưu đi châu xa. Những ai giấu dùm những bài ca dao, từ khúc đó, huyền truyền phao những tin đồn ấy, thì tội nhẹ hơn một bậc. Ai ngồi nghe ở nhà hay hàng quán, chợ búa đều được xử nhẹ hơn tội trên hai bậc. Những ai đặt ra đồng dao có liên quan đến chuyện quái gỡ, rối loạn thì xử lưu đi châu gần. Ai truyền tụng những câu ấy thì xử biếm ba tư. Những đầu mục, quan xã, phường sở tại không bắt bọn kia đem trình quan thì xử biếm hay đồ. Quan huyện biết việc mà dung túng thì xử biếm hay cách chức. Quan phủ không phát hiện việc ấy ra, thì bị phạt. Ai bắt được bọn ấy hay tố cáo lên thì được thưởng

tùy việc nặng nhẹ” (Điều 413).

Ngoài ra, bộ Luật này còn có những điều khoản quy định việc xử những thói hư tật xấu, như: Chồng mê tín dị đoan (Điều 141, 142, 413, 414, 423); bài trừ tệ nạn cờ bạc (Điều 188, 189); bài trừ tệ nạn dâm ô như cưỡng dâm, bạo dâm, gian dâm, loạn luân (Điều 319, 324, 401, 402, 403, 404, 405, 406, 407, 409); bài trừ thói điều toa, vu oan giá họa (Điều 133, 501, 502, 503). Và đây cũng là bộ luật thể hiện rõ tính nhân văn sâu sắc, biểu hiện qua những quy định về việc bảo vệ quyền lợi cho người dân ở tầng lớp dưới (Điều 168, 338, 632, 636, 637, 638, 639), bảo vệ quyền lợi cho người phụ nữ (Điều 313, 314, 315, 316, 321, 320, 397, 680), bênh vực tầng lớp nô tỳ (Điều 165, 296, 302, 306, 307, 453); giúp đỡ người cô đơn (Điều 294), người góa bụa (Điều 295) và các dân tộc thiểu số (Điều 163, 164)...

Bên cạnh hai thành tố căn bản của văn hóa, là di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, bộ Quốc triều hình luật cũng đã có những chế tài ban đầu liên quan đến những hoạt động của ngành khảo cổ học: “Ai đào trộm mả người, lấy đồ vật, gạch ván thì xử lưu đày châu xa. Nếu đã cạy nắp quan tài thì xử chém, làm hư hay lấy trộm thi thể thì xử nặng tội thêm một bậc. Phải nộp tiền tạ tội như tội đánh người có quan tước” (Điều 442). Khi phát hiện những đồ vật trong lòng đất, nhất là những đồ cổ có giá trị, phải nộp sung công, không được giữ làm của riêng: “Được của chôn giấu trong đất người khác thì được phép chia với người chủ đất. Nếu giấu, không chia thì đánh 80 trượng và phải trả một nửa cho chủ đất. Nếu đồ vật đó là của công hay đồ cổ có hình dáng đặc biệt mà không đem nộp

quan thì xử biếm” (Điều 606).

Từ những trình bày trên đây, có thể khẳng định rằng, bộ Quốc triều hình luật/Luật Hồng Đức là bộ luật đầu tiên của nước ta điều chỉnh một cách tương đối đầy đủ các vấn đề thuộc lĩnh vực văn hóa. Mặc dù, chưa cụ thể hóa hết các thành tố của văn hóa, nhưng những điều luật quy định trong bộ luật đã thể hiện sự quan tâm của chính quyền phong kiến đối với di sản vật chất, tinh thần của người xưa để lại và đời sống tinh thần, đời sống tâm linh của nhân dân đương thời.

Những điều quy định trong bộ Luật này, không chỉ là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc thực thi, áp dụng luật trong xã hội thời bấy giờ, mà còn là cơ sở, nền tảng cho việc xây dựng các điều luật (cũng như bộ luật) sau này. Việc kế thừa và phát huy giá trị bộ Quốc triều hình luật là việc làm rất cần thiết, bởi đó là một di sản văn hóa truyền thống quý giá của tổ tiên để lại, “xứng đáng được coi là một trong những thành tựu tiêu biểu của nền văn hiến nước ta và đáng được giới thiệu rộng rãi, không chỉ đối với người làm luật, làm sử mà với tất cả những ai quan tâm đến nền văn hóa, văn minh của dân tộc Việt Nam”⁶./

L.Q.C

Chú thích:

- 1, 2, 3 - Lê Thị Sơn (Chủ biên), Quốc triều hình luật, lịch sử hình thành, nội dung và giá trị, Nxb. KHXH, H, Tr. 41, Tr. 68, Tr. 111.
- 4 - Lược khảo Hoàng Việt Luật lệ (tìm hiểu Luật Gia Long), Nxb. Văn hóa - Thông tin, H. 2002, Tr. 7.
- 5 - Quốc triều hình luật/Luật hình triều Lê/Luật Hồng Đức, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 1995, Tr. 16.
- 6 - Quốc triều hình luật/Luật hình triều Lê/Luật Hồng Đức, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 1995, Tr. 8.

